

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DSST
Ngày: 16/6/2020
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Thư

- Ông Bùi Sỹ Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2019/TLST - DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX - ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn: - Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1971. Có mặt

Địa chỉ: xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

- Ông Hồ Xuân Q, sinh năm 1967.

Bà T và ông Q đều trú tại: số 13 Võ Thị S, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (Bà T, ông Q vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Q là ông Nguyễn Hải Đ.

Đồng bị đơn: Ông Vương Đức Th, sinh năm 1958 và bà Đậu Thị Thanh T, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn 1, xã HX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Th có mặt.

Ông Vương Đức Th vừa là bị đơn vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà Đậu Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Hải Đ trình bày:

Vào đầu năm 2011, ông Vương Đức Th và vợ là bà Đậu Thị Thanh T chuyển nhượng cho các ông bà gồm: Nguyễn Hải Đ, Hồ Xuân Q, Nguyễn Thị T một phần đất có diện tích 314 m² (ba trăm mười bốn mét vuông), thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Giá chuyển nhượng là 2.200.000 đ/m² (hai triệu hai trăm ngàn đồng trên mét vuông). Trong đó, ông Đ đã thanh toán cho ông Th, bà T số tiền là: 602.000.000 đồng (sáu trăm lẻ hai triệu đồng).

Tuy nhiên sau khi nhận tiền thì ông Th, bà T không hoàn tất thủ tục sang nhượng thửa đất cho các ông bà mà kéo dài thời gian cho đến nay. Giữa các ông bà đã làm việc cũng như đã tiến hành hòa giải nhiều lần tại Ủy ban nhân dân xã NT nhưng không thành. Trái lại ông Đ phát hiện ông Th, bà T lại bán thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7 nói trên.

Nay thời gian quá lâu mà ông Th, bà T chưa làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất như đã thỏa thuận cho các ông bà, hơn nữa các ông bà cũng không có nhu cầu nhận chuyển nhượng diện tích 314m², thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An của vợ chồng Ông Th, bà T nữa.

Nay đồng nguyên đơn giữ nguyên và bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 314 m² đất (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An) của ông Th, bà T.

2. Buộc ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T phải trả trực tiếp cho ông số tiền: 602.000.000 đồng (sáu trăm linh hai triệu đồng) mà các ông bà đã giao cho ông Th, bà T và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vương Đức Th trình bày: Đầu năm 2011 đất xã NT đang lên giá hàng ngày, gia đình ông chuyển nhượng 314m² đất vườn trong thửa đất số 19 tờ bản đồ số 7 cho ông H cán bộ viện kiểm sát với giá 2,4 triệu đồng/m². Ông H đặt cọc cho ông 20 triệu đồng. Khi biết thông tin gia đình ông bán đất, chị gái ông là Vương Thị H đến đề đạt nguyện vọng mua cho con trai là Nguyễn Hải Đ đề đầu cơ kiếm lời.

Vì tình nghĩa chị em và các cháu buộc ông phải trả tiền cọc và hủy hợp đồng mua bán với ông H, may mắn chỗ quen biết nên ông H thông cảm không phạt hợp đồng.

Gia đình ông quyết định bán cho cháu Nguyễn Hải Đ con chị gái ông với giá 2,2 triệu đồng/m². Đến tháng 6/2011, cháu Đ đã trả tổng số tiền cho vợ chồng ông thông qua cháu Nguyễn Thị T (em gái của cháu Đ) là 602.000.0000 đồng và còn thiếu số tiền 88.800.000 đồng. Tuy còn thiếu tiền nhưng gia đình ông đã giao bìa đồ cho cháu Đ để làm thủ tục tách bìa.

Thủ tục tách bìa đã hoàn tất, hồ sơ chuyển lên UBND huyện để tính thuế nộp cho nhà nước, tại thời điểm đó tiền thuế phải nộp là 65.000.000 đ (sáu mươi lăm triệu đồng). Cháu Đ không nộp thuế để làm thủ tục tách bìa mà mang hồ sơ về luôn. Ông Th nghĩ rằng cháu Đ không muốn tách bìa mang tên cháu Đ vì phải mất tiền thuế. Mục đích cháu Đ mua đất của vợ chồng ông Th là để bán cho người khác kiếm lời, cháu Đ tìm được khách bán để ông Th làm thủ tục tách bìa cho người mua. nhưng sự việc không ai nghĩ đến chữ ngờ: Nếu giá đất tăng cao thì số nợ 88.800.000 đồng chắc chắn cháu Đ sẽ trả đủ cho ông bà theo giá 2,2 triệu đồng/m² để nhận đủ 314 m² đất như đã thỏa thuận. Nhưng thực tế giá đất lao dốc, cháu Đ thấy thua lỗ nên đã tìm mọi cách để đòi hỏi quyền lợi trái pháp luật, trái đạo lý. Cháu Đ cho rằng ông không ký hồ sơ để làm thủ tục mua bán, tách bìa đồ cho cháu Đ. Nếu ông không hợp tác để làm thủ tục thì làm sao ông ký hồ sơ và giao bìa đồ cho cháu Đ khi cháu Đ chưa giao đủ tiền cho gia đình ông.

Cháu Đ đã cố tình hủy bỏ hồ sơ thủ tục ban đầu hai bên đã ký tại xã NT khi chuyển lên Ủy ban nhân dân huyện N để tính thuế vì giá đất đã xuống quá thấp, mặt khác phải nộp nhiều thuế. Những việc làm của cháu Đ nói trên với mục đích bắt gia đình ông tính giá bán đất cho cháu Đ theo giá hiện tại là 1,2 triệu/m².

Vì là con cháu nên ông Th đã đề nghị UBND xã NT tổ chức hòa giải để hai bên có hướng giải quyết thấu tình và đạt lý. Qua hai lần hòa giải, gia đình ông cũng đã nhân nhượng đề xuất hướng giải quyết:

Số tiền đã thanh toán 602.000.000 đồng theo giá thỏa thuận 2,2 triệu đồng/m², số m² đã thanh toán: $602.000.000 \text{ đồng} / 2.200.000 \text{ đồng/m} = 273 \text{ m}^2$.

Số tiền còn nợ: 88.800.000 đồng tương ứng với 40 m² đất, theo giá đã thống nhất trong hợp đồng mua bán năm 2011, nhưng gia đình ông nhân nhượng tính giá đất của 40 m² còn lại với giá hiện tại: $40 \text{ m}^2 \times 1.200.000 \text{ đồng} = 48.000.000 \text{ đồng}$.

Gia đình cháu Đ muốn có diện tích 314 m² tách từ thửa đất số 19 tờ bản đồ số 7 của gia đình ông. Yêu cầu cháu Đ trả cho gia đình ông Th 48.000.000 đồng thay cho khoản nợ 88.800.000 đồng.

Tuy vậy cháu Đ không đồng ý, cháu Đ yêu cầu gia đình ông Th tính giá đất theo giá hiện tại là 1.200.000đ/m² của 314 m², diện tích $314 \text{ m}^2 \times 1.200.000 \text{ đ} = 376.800.000 \text{ đồng}$. Một đòi hỏi không có cơ sở pháp lý, nếu giá đất hiện nay tăng cao so với thời điểm mua bán thì cháu Đ có yêu cầu tính theo giá hiện nay hay không?

Hiện nay ông làm thủ tục tách thành 2 thửa, một thửa có diện tích 314 m², phần diện tích đã bán cho cháu Đ để khi cháu Đ trả hết nợ, một thửa có diện tích 1.290m² còn lại không liên quan đến cháu Đ.

Gia đình ông Th tách thửa để nhằm bảo vệ quyền lợi cho cháu Đ sau này, mặt khác tách thửa để khi tặng cho con, mua bán không liên quan đến phần diện tích đất 314 m² đang gọi là tranh chấp. Cháu Đ can thiệp vào việc tách thửa của vợ chồng ông tức là làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Nay cháu Nguyễn Hải Đ, cháu Nguyễn Thị T và cháu Hồ Xuân Q khởi kiện đến Tòa án yêu cầu:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 314 m² đất (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An).

2. Buộc vợ chồng ông phải trả trực tiếp cho cháu Nguyễn Hải Đ số tiền 602.000.000 đồng (sáu trăm linh hai triệu đồng) tiền mua đất và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của vợ chồng ông Th là: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cháu Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Thị T và Hồ Xuân Q mà phải Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Th với cháu Nguyễn Hải Đ là 314 m² (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An) và yêu cầu cháu Nguyễn Hải Đ phải trả số tiền mua đất còn thiếu là: 88.800.000 đồng. Vợ chồng ông có nghĩa vụ ký vào các văn bản hồ sơ để cháu Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:**

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Toà án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Các điều 124, 127, 134, 137, 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật dân sự năm 2005. Các Điều 105,106,107,113,127 Luật đất đai năm 2003. Khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 35, điều 39, điều 271. điều 272, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điều 12, điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng 314 m² đất (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An) giữa ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T. Và xử lý giao dịch vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đồng nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do ông Th và bà T là người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Các nguyên đơn, bị đơn tranh chấp về giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đối tượng của giao dịch là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An nên căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của đồng nguyên đơn: Đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung là: 1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 314 m² đất (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An) của ông Th, bà T.

2. Buộc ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T phải trả trực tiếp cho các đồng nguyên đơn số tiền: 602.000.000 đồng (sáu trăm linh hai triệu đồng) mà các ông bà đã giao cho ông Th, bà T và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của các bị đơn là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Q mà phải Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Th, bà T với ông Nguyễn Hải Đ là 314 m² (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An) và yêu cầu ông Nguyễn Hải Đ phải trả số tiền mua đất còn thiếu là: 88.800.000 đồng. Vợ chồng ông có nghĩa vụ ký vào các văn bản hồ sơ để ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử thấy rằng, để xem xét, giải quyết triệt để các yêu cầu của các bên đương sự thì cần phải xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ nhằm xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay không, để từ đó có cơ sở giải quyết yêu cầu của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn đều không xuất trình được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Các nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận bị đơn chuyển nhượng cho nguyên đơn diện tích đất 314 m² đất (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An), với trị giá 2.200.000đ/1m², nguyên đơn đã chuyển trả cho bị đơn số tiền 602.000.000 đồng. Như vậy đây thuộc trường hợp không phải chứng minh. Vì thế có cơ sở để khẳng định: Vào năm 2011, giữa các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Q và đồng bị đơn ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T có thiết lập giao dịch về chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần diện tích đất 314 m² đất (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An) của ông Th, bà T.

Với giá tiền là 2.200.000 đồng/m². Ông Đ, bà T và ông Q đã giao cho ông Th, bà T số tiền 602.000.000 đồng.

Xét về hình thức giao dịch thì thấy rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Q và bị đơn ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T không được thiết lập bằng hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã ra quyết định buộc bên chuyển nhượng cũng như bên nhận chuyển nhượng hoàn thiện về mặt hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện các điều khoản của hợp đồng như đã thỏa thuận. Đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm bên chuyển nhượng cũng như bên nhận chuyển nhượng không thực hiện việc hoàn thiện về mặt hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện các điều khoản của hợp đồng như đã thỏa thuận.

Như vậy theo tinh thần hướng dẫn tại Điều 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 10/8/2004 thì giao dịch này vi phạm về hình thức và không thể thực hiện trên thực tế do vậy giao dịch này vô hiệu ngay từ thời điểm thiết lập, do vậy cần tuyên bố giao dịch này là vô hiệu và cần xử lý hậu quả pháp lý đối với hợp đồng vô hiệu theo thủ tục chung.

Quy định của pháp luật đối với giao dịch vô hiệu là không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập; các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Cụ thể trong vụ án này buộc ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T trả lại số tiền 602.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Qg. Buộc ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Q giao lại nguyên trạng diện tích đất 314 m² đất thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An cho ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Hải Đ đối với số tiền 602.000.000 đồng đã giao cho ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất không liên quan đến vay tài sản và tính lãi suất do vậy không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Hải Đ.

[2.4]. Các đồng nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do ông Th là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 124, 127, 134, 137, 697, 698, 699, 700; 701, 702 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 105, 106, 107, 113, 127 Luật đất đai năm 2003;

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 35, điều 39, điều 271, điều 272, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điều 12, điều 15 và điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Thị T và Hồ Xuân Q.

Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng 314 m² đất (thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An) giữa ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Hồ Xuân Q với ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T vô hiệu.

Hậu quả của giao dịch vô hiệu: buộc ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T trả lại số tiền 602.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Q. Buộc ông Nguyễn Hải Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Xuân Q giao lại nguyên trạng diện tích đất 314 m² đất thuộc một phần của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604 m², tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An cho ông Vương Đức Th và bà Đậu Thị Thanh T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Đậu Thị Thanh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuyên trả cho ông Vương Đức Th số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà ông Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai số 0005900 ngày 21 tháng 05 năm 2020.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Thi hành án DS h.N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Vũ Đức Thúy